

Số: 154/2015/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 10 tháng 7 năm 2015

NGHỊ QUYẾT
Về Chương trình khuyến công tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia, khuyến công địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2020;

Xét Tờ trình số 37/TTr-UBND ngày 10/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Đề án Chương trình khuyến công tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 – 2020; Báo cáo thẩm tra số 39/BC-HĐND ngày 02/7/2015 của Ban Kinh tế và Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Nghị quyết về Chương trình khuyến công tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 – 2020, như sau:

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định các nội dung hỗ trợ tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn, áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b. Đối tượng áp dụng:

Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp tại huyện, thị xã, thị trấn, xã và các phường thuộc thành phố Buôn Ma Thuột được chuyển đổi từ xã chưa quá 05 năm, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Các cơ sở áp dụng sản xuất sạch hơn được quy định tại khoản 5, Điều 2, Nghị định 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

Tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Mục tiêu của đề án

a. Mục tiêu tổng quát:

Huy động các nguồn lực trong và ngoài tỉnh tham gia hoặc hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp nông thôn, hỗ trợ sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp và các dịch vụ khuyến công, góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp một cách bền vững, nhất là công nghiệp chế biến nông - lâm sản và cơ khí phục vụ nông nghiệp, tạo việc làm, tăng thu nhập, bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khỏe con người, thực hiện phân công lại lao động xã hội và góp phần xây dựng nông thôn mới.

b. Mục tiêu cụ thể:

Đào tạo nghề theo nhu cầu của cơ sở cho khoảng 150 người; đào tạo khởi sự doanh nghiệp cho khoảng 500 người; đào tạo nâng cao nhận thức về lợi ích sản xuất sạch hơn cho khoảng 250 người; tập huấn kỹ thuật sơ chế bảo quản nông sản cho khoảng 1.500 người; tổ chức hội nghị tập huấn công tác khuyến công 150 lượt người.

Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật 10 mô hình; hỗ trợ chuyển giao và ứng dụng thiết bị tiên tiến, hiện đại 100 cơ sở; hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, làng nghề 10 cụm, làng nghề.

Tổ chức khảo sát, học tập kinh nghiệm công tác khuyến công 05 lần; hỗ trợ thành lập cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn 10 cơ sở; tư vấn các lĩnh vực phát triển công nghiệp và sản xuất sạch hơn cho 80 cơ sở; xây dựng, duy trì trang thông tin điện tử; xuất bản bản tin, ấn phẩm 10 ấn phẩm; xây dựng chương trình công nghiệp và phát triển 40 chương trình; xây dựng cơ sở dữ liệu công nghiệp nông thôn 50 cơ sở; tổ chức tham gia hội chợ triển lãm 50 cơ sở với 100 gian hàng; hỗ trợ xây dựng đăng ký thương hiệu 05 thương hiệu; hỗ trợ đánh giá sản xuất sạch hơn 10 cơ sở; tổ chức điều tra, khảo sát 02 cuộc; tổ chức bình chọn sản phẩm 03 đợt với 15 sản phẩm của cấp tỉnh; hỗ trợ thành lập hội nghề nghiệp 02 hội; tổ chức xây dựng kế hoạch, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết 05 chương trình.

3. Ngành, nghề được hưởng chính sách khuyến công và kinh phí thực hiện

a. Các ngành, nghề được hưởng chính sách khuyến công:

- Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản và chế biến thực phẩm;
- Sản xuất hàng công nghiệp phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, hàng thay thế hàng nhập khẩu;
- Công nghiệp hoá chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn; tập trung hỗ trợ các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng theo công nghệ mới (vật liệu không nung), không gây ô nhiễm môi trường, sử dụng nguyên liệu tái tạo.

- Sản xuất sản phẩm, phụ tùng; lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị, dụng cụ cơ khí, điện, điện tử - tin học; sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và công nghiệp hỗ trợ.

- Sản xuất hàng thủ công nghiệp.

- Khai thác, chế biến khoáng sản tại những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

- Áp dụng sản xuất sạch hơn trong các cơ sở sản xuất công nghiệp; xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn.

b. Kinh phí thực hiện hoạt động khuyến công:

Kinh phí khuyến công được hình thành từ các nguồn: Kinh phí trung ương (đề án khuyến công quốc gia); kinh phí khuyến công tỉnh cấp (đề án khuyến công địa phương) và kinh phí đối ứng của đơn vị thụ hưởng.

Đối với kinh phí khuyến công hàng năm của địa phương dành cho hoạt động khuyến công được trích ở mức tối thiểu là 0,1% trên tổng thu ngân sách, khoảng 3,5 tỷ đồng/năm.

Theo đó, kinh phí thực hiện hoạt động khuyến công giai đoạn 2016 – 2020 dự kiến là: **136.750 triệu đồng**. Trong đó:

- Kinh phí khuyến công quốc gia : 33.000 triệu đồng, chiếm 24,1%;
- Kinh phí khuyến công địa phương : 17.575 triệu đồng, chiếm 12,8%;
- Kinh phí đối ứng của đơn vị thụ hưởng: 86.175 triệu đồng, chiếm 63,1%.

4. Các nội dung khuyến công

a. Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề:

Hình thức đào tạo nghề, truyền nghề chủ yếu là ngắn hạn từ 01 đến 03 tháng, gắn lý thuyết với thực hành, đào tạo nghề gắn với sử dụng lao động tại chỗ của các cơ sở, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động; ưu tiên đào tạo các cơ sở sử dụng nhiều lao động; các nghề có tiềm năng thế mạnh của tỉnh như chế biến nông, lâm sản, may mặc..., phát triển nghề cho các xã được chọn làm điểm xây dựng nông thôn mới.

b. Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp, nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp thông qua các hoạt động tư vấn, tập huấn, đào tạo, hội thảo, diễn đàn; khảo sát học tập kinh nghiệm trong nước. Hỗ trợ khởi sự, thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn. Hỗ trợ mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm công nghiệp nông thôn.

c. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - thủ công nghiệp; Sản xuất sản phẩm mới và xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn:

d. Phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, thông qua tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu. Hỗ trợ tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ; hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn, làng nghề tham gia hội chợ, triển lãm. Hỗ trợ xây dựng,

đăng ký thương hiệu và đầu tư các phòng trưng bày để giới thiệu quảng bá sản phẩm và các hoạt động xúc tiến thương mại khác:

e. Tư vấn trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn:

Hỗ trợ các cơ sở lập dự án đầu tư, tiếp thị, quản lý sản xuất, tài chính - kế toán - nhân lực; thành lập doanh nghiệp, liên doanh liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới; tư vấn hướng dẫn hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp nhận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính, tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước;

Tổ chức điều tra khảo sát về ngành nghề, lao động, khai thác chế biến khoáng sản, áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp; hỗ trợ lập báo cáo kiểm toán năng lượng, đánh giá sản xuất sạch hơn cho các doanh nghiệp.

g. Cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công thông qua chương trình:

Xây dựng, duy trì website; xây dựng chương trình công nghiệp và phát triển phát trên sóng đài truyền hình tỉnh Đắk Lắk; xuất bản bản tin công thương nhằm phổ biến tuyên truyền các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; các chính sách thu hút, ưu đãi đầu tư, phổ biến kiến thức, mô hình sản xuất kinh doanh điển hình tiên tiến, công nghệ mới, sản phẩm mới trong sản xuất công nghiệp, thị trường và các thông tin khác cho cơ sở;

h. Hỗ trợ liên doanh liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp:

Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, làng nghề theo quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2025;

Hỗ trợ các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn thành lập hội ngành nghề như sản xuất thủ công mỹ nghệ, chế biến nông, lâm sản.

i. Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công:

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản liên quan nhằm hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế chính sách về hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh; tổ chức hội thảo chuyên đề, sơ kết, tổng kết về hoạt động khuyến công, tổ chức kiểm tra, giám sát, hướng dẫn để nâng cao hiệu quả của hoạt động khuyến công từ tỉnh đến huyện, xã;

Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực thực hiện công tác khuyến công, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ công tác khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp.

5. Địa bàn, ngành, nghề, nguyên tắc ưu tiên

a. Địa bàn ưu tiên:

Địa bàn các xã trong kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới do Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm hay từng giai đoạn;

Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn xác định theo quy định tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

b. **Ngành, nghề ưu tiên:**

Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản- thực phẩm; cơ khí phục vụ nông nghiệp;

Sản xuất sản phẩm có thị trường xuất khẩu: Áp dụng đối với các cơ sở sản xuất sản phẩm đã có hợp đồng xuất khẩu hoặc sản xuất sản phẩm phục vụ cho xuất khẩu;

Sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ: Áp dụng đối với các cơ sở sản xuất sử dụng nguyên liệu, vật liệu chính của quá trình sản xuất, được cung cấp từ địa bàn tỉnh nơi đầu tư sản xuất, chiếm trên 50% tổng giá trị nguyên liệu, vật liệu;

Cơ sở công nghiệp nông thôn sử dụng nhiều lao động là cơ sở sản xuất có sử dụng từ 30 lao động trở lên;

Đối với công nghiệp hỗ trợ: Áp dụng đối với các cơ sở sản xuất sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 1483/QĐ-TTg ngày 26 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển;

Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu là sản phẩm quy định tại Khoản 4, Điều 2 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP được cấp giấy chứng nhận của cấp có thẩm quyền theo quy định của Bộ Công Thương.

c. **Nguyên tắc xét ưu tiên:**

- Khi xét giao kế hoạch kinh phí khuyến công hàng năm tùy theo khả năng cân đối ngân sách, sẽ ưu tiên phân bổ kế hoạch kinh phí theo địa bàn, thứ tự ưu tiên quy định tại điểm a, mục 5, sau đó xét đến thứ tự ưu tiên về ngành, nghề quy định tại điểm b, mục 5 nêu trên.

- Đối với hoạt động sản xuất sạch hơn không quy định thứ tự ưu tiên về địa bàn và ngành, nghề. Thứ tự ưu tiên xét trên hiệu quả và sự cấp thiết của đề án để xem xét, quyết định.

6. Giải pháp chủ yếu

a. **Công tác tuyên truyền:**

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về hoạt động khuyến công và công nghiệp nông thôn; đặc biệt là triển khai thực hiện chính sách về xã hội hóa hoạt động khuyến công để tạo sự quan tâm và đồng thuận của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức, cá nhân.

b. **Kiến toàn bộ máy thực hiện công tác khuyến công:**

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công; từng bước kiện toàn tổ chức công tác khuyến công từ tỉnh đến cơ sở; điều hành, quản lý sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí địa phương đúng quy định, đảm bảo đạt hiệu quả, thiết thực.

c. **Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về khuyến công:**

Xây dựng kịp thời các văn bản pháp lý liên quan đến hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định hiện hành để làm cơ sở triển khai thực hiện; xây dựng cơ sở dữ liệu, công tác thống kê số liệu và theo dõi quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công.

d. Công tác đào tạo:

Gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và sử dụng, nhằm tận dụng cơ sở vật chất, máy móc, trang thiết bị của doanh nghiệp, đồng thời bố trí việc làm cho lao động tại các doanh nghiệp sau đào tạo.

e. Về nguồn kinh phí thực hiện:

Tranh thủ nguồn hỗ trợ của Chương trình Khuyến công Quốc gia; trên cơ sở ngân sách địa phương hàng năm, bố trí kinh phí hợp lý cho công tác khuyến công địa phương; phối hợp, lồng ghép các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và khai thác, tìm kiếm, phối hợp với các tổ chức, cá nhân để huy động các nguồn lực hợp pháp khác thực hiện các đề án khuyến công.

g. Công tác báo cáo, tổng kết:

Hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm về hoạt động khuyến công; khuyến khích, động viên, kịp thời khen thưởng cho các cá nhân, tập thể, đơn vị có nhiều thành tích trong công tác khuyến công.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp;

Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa VIII, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Cục KTVB – Bộ Tư pháp;
- Ban Công tác đại biểu;
- Bộ Công thương; Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Văn phòng ĐDBQH-HĐND tỉnh;
- Sở Công thương; Sở Tài chính; Sở Tư pháp;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh, Website tỉnh;
- Lưu: VT, P.Các HĐND.

CHỦ TỊCH



Niê Thuật